

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QUẬN H
TP. ĐÀ NẴNG**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- ** -----

--- ** ---

Bản án số: 06 /2017/HNGĐ-ST

Ngày 30.1. 2018

V/v “ Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, TP. ĐÀ NẴNG
THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh Nguyệt**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa**

Ông **Lê Truyền Bình.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Ly Na** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 1 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H - 24 Hoàng Văn T, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2017/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐXX - ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST – HNGĐ ngày 12/1/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn : Ông **Vũ Văn A** - Sinh năm 1966 -Trú tại : Xóm B, xó Y, huyện Yụ, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

* Bị đơn : Bà **Trần Thị Thanh T** - Sinh năm: 1985 – Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Phòng 306, chung cư 6, tổ 37C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Đã mất tích theo Quyết định yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 16/2017/QDDs-ST ngày 23.8.2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 03.9.2017, đơn trình bày ngày 08.12.2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Ông Vũ Văn A trình bày :

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn A và bà Trần Thị Thanh T kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Phòng 306, chung cư 6, tổ 37C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng về tính tình và quan điểm sống, ông A phát hiện bà T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, đó nhiều lần khuyên nhủ bà T chấm dứt nhưng không có kết quả. Ông bà sống chung nhưng thật sự mệt mỏi, không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Đến năm 2011 thì bà T tự ý bỏ đi mà không có tin tức gì. Ông A và gia đình đã cố gắng tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc bà T vẫn sống hay đã chết. Vì vậy đến tháng 3.2017, ông A đã gửi đơn đến Tòa án quận H, thành phố Đà Nẵng yêu cầu tuyên bố bà Trần Thị Thanh T đã mất tích và đề nghị Tòa án ra thông báo tìm kiếm bà T trên các phương tiện thông tin đại chúng trong ba số liên tiếp theo quy định của pháp luật và đã được Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 16/2017/QĐST-DS ngày 23.8.2017 về việc tuyên bố bà Trần Thị Thanh T đã mất tích kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2011. Nay thời gian đã quá lâu, tình cảm không còn, hôn nhân của ông bà không còn tồn tại trên thực tế đó hơn 06 năm nay nên ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Thanh T để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung : Ông Vũ Văn A xác định ông và bà Trần Thị Thanh T có 02 con chung tên Vũ Xuân B – Sinh ngày 02.1.2004 và Vũ Trần Anh Đ – Sinh ngày 03.7.2007.

Ly hôn, ụng Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Xuân B và Vũ Trần Anh Đ. Không yêu cầu bà Trần Thị Thanh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Vũ Văn A xác định ông và bà Trần Thị Thanh T không có tài sản chung, vợ chồng không nợ gì ai và không ai nợ gì của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành niêm yết công khai các thông báo và giấy triệu tập, văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Trần Thị Thanh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng về thẩm quyền giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết

vụ án, Viện kiểm sát xét thấy mâu thuẫn giữa ông Vũ Văn A và bà Trần Thị Thanh T đó quá trầm trọng, hụn nhữn thực tế không có, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trần Thị Thanh T để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thanh T theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Vũ Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Trần Thị Thanh T và có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Vũ Văn A đối với bà Trần Thị Thanh T, HĐXX nhận thấy: ằng Vũ Văn A và bà Trần Thị Thanh T kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Nhà nước công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông A là do bất đồng về tính tình và quan điểm sống, bà T có quan hệ ngoại tởnh với người đàn ông khác, vợ chồng chung sống không tin tưởng lẫn nhau nờn thường xuyên gây gổ, xức phạm nhau.

Xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải có sự yêu thương, quý trọng, chung thủy, cụng nhau chăm sóc, chia sẻ, tin tưởng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của ông A và bà T đã không có được sự gắn kết, tin tưởng và thông cảm cho nhau, đến năm 2011 bà T đã bỏ nhà đi biệt tích, không có liên lạc gì với gia đình, mặc dù ông A đã tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức gì của bà T. Quá trình xác minh tại địa phương đã thể hiện ông A và bà T có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhữn là do bà T có quan hệ với người đàn ông khác nên bà T đã bỏ đi, không có tin tức gì. Vì vậy, ông A đã gửi đơn đến Tòa án quận H yêu cầu Tuyên bố bà Trần Thị Thanh T đã mất tích và đã được Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định yêu cầu tuyên bố mất tích số 16/2017/QĐST-DS ngày 23.8.2017 tuyên bố bà Trần Thị Thanh T đã mất tích kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2011. Xét thấy mục đích hôn nhân của ông Vũ Văn Anh và bà Trần Thị Thanh T không đạt được, hôn nhân giữa ông bà không còn tồn tại trên thực tế đó hơn 6 năm nay nên HĐXX cần áp

dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Vũ Văn A.

- Về quan hệ con chung : Ông Vũ Văn A xác định ông và bà Trần Thị Thanh T có 02 con chung tên Vũ Xuân B – Sinh ngày 02.1.2004 và Vũ Trần Anh Đ – Sinh ngày 03.7.2007.

Ly hôn, ụng A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Xuân B và Vũ Trần Anh Đ. Không yêu cầu bà Trần Thị Thanh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu và điều kiện về việc nuôi con, nguyện vọng của đương sự, HĐXX xét thấy: Từ khi bà Trần Thị Thanh T bỏ đi cho đến nay, một mình ụng Vũ Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, đồng thời cháu Vũ Xuân B và Vũ Trần Anh Đ cùng thống nhất có nguyện vọng được ở với bố và do một mình bố nuôi dạy dỗ cháu từ đó đến nay. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của ụng Anh, giao cháu Vũ Xuân B – Sinh ngày 02.1.2004 và Vũ Trần Anh Đ – Sinh ngày 03.7.2007 cho ụng A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Vũ Văn A xác định ông và bà Trần Thị Thanh T không có tài sản chung, vợ chồng không nợ gì ai và không ai nợ gì của vợ chồng vì vậy Tòa án không đề cập giải quyết.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ ông Vũ Văn A phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 227, điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 68 Bộ luật dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Ly hôn” của ông Vũ Văn A đối với bà Trần Thị Thanh T.

Xử: cho ông Vũ Văn A được ly hôn với bà Trần Thị Thanh T.

3. Về con chung:

Xử: Giao cháu Vũ Xuân B – Sinh ngày 02.1.2004 và Vũ Trần Anh Đ – Sinh ngày 03.7.2007 cho ông Vũ Văn A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Thanh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ly hôn, các bên đương sự đều có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Vũ Văn A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ ứng Anh đã nộp theo biên lai thu số 9924 ngày 10/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H thành phố Đà Nẵng. ểng Vũ Văn A đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đọc trích sao bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án niêm yết bản sao bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
THẨM

- Những người tham gia tố tụng.
- VKSND quận Hải Châu.
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Nguyệt